

Bản án số: 42/2022/DS-ST

Ngày: 25 – 4 – 2022

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Trần Thị Hồng Chi

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham dự.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án **dân sự** thụ lý số: 175/2021/TLST - **DS** ngày 22/12/2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐST - DS ngày 14/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2022/QĐST – DS ngày 01/4/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK)

Địa chỉ: Số 266 – 268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Minh T – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thẻ (Theo văn bản ủy quyền số: 1159/2020/GUQ – PL ngày 05/5/2020)

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lương Ngọc N – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số: 28/2022/UQ – TTT ngày 22/4/2022)

Địa chỉ: Lầu 8, số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

* Bí đơn: Anh Huỳnh Phước L, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Tạm trú: 410, TKTQ, Phường KS, Quận TP, thành phố Hồ Chí Minh.

HKTT: ấp N, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK) có anh Lương Ngọc N là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 16/12/2011, anh L có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng gồm: Visa Qredit Classic số 472074 – 9740 và thẻ Family Local Credit số 970403 - 2147 vay của Ngân hàng với hạn mức sử dụng thẻ chung là 12.000.000đồng, mục đích sử dụng tiền vay là tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,5%tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ anh L thực hiện rút tiền như sau:

+ Đối với thẻ Family Local Credit số 970403 – 2147: Từ ngày 20/01/2012 đến ngày 15/10/2020 là 27.180.000đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ anh L đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 22/10/2015 là 34.959.117đồng trừ đi các khoản phí là 3.904.000đồng, tiền lãi là 12.099.904đồng, anh L còn nợ lại số tiền gốc là 8.224.787đồng đến nay chưa trả.

Hiện anh L còn nợ lại số tiền nợ gốc là 8.224.787đồng lãi tính đến ngày 25/4/2022 là 24.437.937đồng. Tổng cộng là 32.662.724đồng.

+ Đối với thẻ Visa Qredit Classic số 472074 – 9740: Từ ngày 20/01/2012 đến ngày 15/10/2020 là 4.587.605đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ anh L đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 22/10/2015 là 3.299.670đồng trừ đi các khoản phí là 2.084.000đồng, tiền lãi là 731.383đồng, anh L còn nợ lại số tiền gốc là 4.103.318đồng đến nay chưa trả.

Hiện anh L còn nợ lại số tiền nợ gốc là 4.103.318đồng lãi tính đến ngày 25/4/2022 là 10.471.714đồng. Tổng cộng là 14.575.032đồng.

Nay Ngân hàng có anh N làm đại diện theo ủy quyền yêu cầu anh L trả lại số tiền vốn là 12.328.105đồng và lãi tính từ ngày 23/10/2015 đến ngày 25/4/2022 với số tiền là 34.909.651 đồng. Tổng cộng là 47.237.756đồng. Ngoài ra Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thu hồi dứt nợ vay.

Bị đơn anh Huỳnh Phước L: Đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn tiếp tục vắng mặt mà không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và qua hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh L nhưng anh L không có ý kiến gì bằng văn bản và cũng không đến tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn. Đã đủ cơ sở kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; thuộc loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện TB, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB.

[2]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện TB tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục và thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện nguyên đơn ông Lương Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Huỳnh Phước L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn, theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

Xét yêu cầu của Ngân hàng và lời trình bày của người đại diện tham gia tố tụng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Phước L không giao nộp các tài liệu, chứng cứ nên không có căn cứ để xem xét quyền và lợi ích cho anh L tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của Ngân hàng. Buộc anh Huỳnh Phước L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 12.328.105đồng và lãi tính từ ngày 23/10/2015 đến ngày 25/4/2022 với số tiền là 34.909.651 đồng. Tổng cộng là 47.237.756đồng. Ngoài ra Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thu hồi dứt nợ vay.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án nên buộc anh Huỳnh Phước L phải chịu án phí trên số tiền là 47.237.756đồng được tính như sau: $47.237.756\text{đồng} \times 5\% = 2.361.888\text{đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 976.358đồng theo biên lai thu số N $\underline{0}$ 0071926 ngày 30/3/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

- Buộc anh Huỳnh Phước L có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) số tiền vốn là 12.328.105đồng và lãi tính từ ngày 23/10/2015 đến ngày 25/4/2022 với số tiền là 34.909.651 đồng. Tổng cộng là 47.237.756đồng. Ngoài ra Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thu hồi dứt nợ vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Huỳnh Phước L phải nộp là 2.361.888đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 976.358 đồng theo biên lai thu số N^o 0071926 ngày 30/3/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Hồng Chi